

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 20/2020/DS-ST.
Ngày: 15 - 12 - 2020.
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Nhật

Bà Nguyễn Thị Chiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hải Y, sinh năm 1992; có mặt.

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Hữu B, Luật sư Văn phòng Luật sư B và Cộng sự; địa chỉ: P902, Tòa nhà A, đường Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1990; vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 29, cụm 6, xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Năm 2018 chị Lê Thị Hải Y có quen biết

với anh Đặng Văn T và hai bên có quan hệ tình cảm với nhau. Sau đó, anh T có hỏi vay chị Y một số tiền và cam kết sau một tháng sẽ trả lại. Ngày 28/2/2018, chị Y và anh T có ký giấy vay tiền, số tiền chị Y cho anh T vay là 190.000.000 đồng (tiền Việt Nam), anh T cam kết tháng 11/2019 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay cho chị Y. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền anh T không thực hiện nên chị Y đã nhiều lần yêu cầu trả nợ và anh T mới trả được số tiền 25.000.000 đồng, sau đó thì trốn tránh, không gặp chị Y. Nay nguyên đơn yêu cầu anh Đặng Văn T phải trả số tiền còn nợ là 165.000.000 đồng và lãi suất phát sinh do chậm trả nợ tính từ ngày 01/11/2019, với mức lãi suất 5,5%/năm. Ngoài ra, phía nguyên đơn không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

- Theo các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đặng Văn T trình bày: Năm 2017 anh và chị Lê Thị Hải Y có biết nhau do làm chung cùng công ty, sau đó hai người nảy sinh tình cảm yêu đương. Tháng 3/2018 anh có hỏi vay tiền của chị Y với mục đích để mở Công ty xuất khẩu lao động. Chị Y đồng ý cho anh vay số tiền tính là 70 man Nhật (tiền Nhật Bản). Chị Y và anh có ra cửa hàng vàng để đổi số tiền 70 man Nhật và chị Y đưa cho anh số tiền Việt Nam là 140.000.000 đồng. Một thời gian sau anh có vay nhỏ lẻ của chị Y, tổng số tiền vay các lần khoảng 190.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi và không có thời gian trả nợ cụ thể. Số tiền anh vay của chị Y đều là tiền Việt Nam, không có tiền ngoại tệ. Do đợt dịch Covid nên anh làm thị T xuất khẩu lao động không được, vì vậy chưa có tiền trả chị Y. Anh xin trả dần số tiền vay của chị Y, cụ thể tháng 9/2019 anh đã trả chị Y 7.000.000 đồng, tháng 4/2020 trả 13.000.000 đồng và tháng 9/2020 trả số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 25.000.000 đồng, còn nợ 165.000.000 đồng. Anh đồng ý trả cho chị Y số tiền còn nợ, tuy nhiên do điều kiện làm ăn kinh tế khó khăn nên anh sẽ trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng. Về số tiền lãi chị Y yêu cầu anh không đồng ý, vì khi vay hai bên không thỏa thuận lãi và kể từ thời điểm chậm trả nợ bên chị Y không thông báo tính lãi nên anh không chấp nhận trả lãi suất 5,5%/năm.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu anh Đặng Văn T trả cho chị Lê Thị Hải Y số tiền còn nợ là 165.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi do chậm trả trên số tiền nợ với mức lãi suất 5,5%/năm, thời điểm tính lãi từ ngày 01/12/2019 đến thời điểm xét xử (ngày 15/12/2020).

Anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn

trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận định, chị Lê Thị Hải Y yêu cầu đòi nợ là có cơ sở nên căn cứ Điều 463, Điều 466. Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc anh Đặng Văn T phải trả chị Y số tiền nợ còn lại là 165.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/12/2020 là: $165.000.000 \text{ đồng} \times 5.5\%/\text{năm} \times 12 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 9.453.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng: Nợ gốc và lãi là 174.453.000 đồng. Anh Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Hải Y do ông Đỗ Hữu B là người đại diện theo ủy quyền có đơn khởi kiện yêu cầu anh Đặng Văn T có địa chỉ cư trú tại: Số 29, cụm 6, xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội trả nợ số tiền đã cho vay, đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo qui định của pháp luật. Tại các phiên hòa giải các bên đương sự không thống nhất được với nhau về các vấn đề yêu cầu trong vụ án nên căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Chị Lê Thị Hải Y và anh Đặng Văn T hai bên xác nhận chị Y có cho anh T vay bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với số tiền là 190.000.000 đồng. Anh T đã trả cho chị Y số tiền 25.000.000 đồng, còn nợ 165.000.000 đồng. Theo Giấy cho vay tiền ngày 28/2/2018 được hai bên ký nhận thì thời hạn vay đến tháng 11/2019 anh T phải trả số tiền vay cho chị Y nhưng không trả được nợ, sau đó anh T mới trả nhiều lần cho chị Y được 25.000.000 đồng như nêu trên. Do đó, việc chị Y yêu cầu anh T phải trả số tiền còn nợ 165.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với qui định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Khi chị Y cho anh T vay tiền thì hai bên không thỏa thuận tính lãi số tiền vay, tuy nhiên việc vay tiền giữa hai bên có thỏa thuận thời hạn anh T phải trả nợ tiền vay cho chị Y, được ghi nhận trong Giấy cho vay tiền hai bên ký kết với

nhau. Đến thời hạn trả là tháng 11/2019, anh T không trả được số tiền còn nợ 165.000.000 đồng cho chị Y là vi phạm thời hạn trả nợ.

Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì “Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ T hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Từ căn cứ trên thấy rằng: Tuy chị Y và anh T khi hai bên vay nợ không thỏa thuận tính lãi, nhưng đến hạn trả nợ anh T không trả được nợ cho chị Y thì phải trả lãi theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, chị Y yêu cầu tính lãi suất chậm trả trên số tiền anh T còn nợ tính từ ngày 01/12/2019 đến thời điểm xét xử ngày 15/12/2020 là có căn cứ. Mức lãi suất chị Y yêu cầu tính 5.5%/năm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy, lãi của khoản tiền vay còn nợ đối với anh T được tính là 165.000.000 đồng x 12 tháng 15 ngày x 5.5%/năm = 9.453.000 đồng. Tổng cộng: Tiền gốc và tiền lãi anh T phải trả cho chị Y: 165.000.000 đồng + 9.453.000 đồng = 174.453.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của Chị Lê Thị Hải Y được chấp nhận, vì vậy chị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Anh Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hải Y với anh Đặng Văn T.

Buộc anh Đặng Văn T phải trả chị Lê Thị Hải Y số tiền nợ gốc là 165.000.000 đồng, số tiền lãi là 9.453.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi: 174.453.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng).

2. Án phí: Anh Đặng Văn T phải chịu 8.722.000 đồng (Tám triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại chị Lê Thị Hải Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.436.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014577 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Hải Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyền

